

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

GP160•GP200

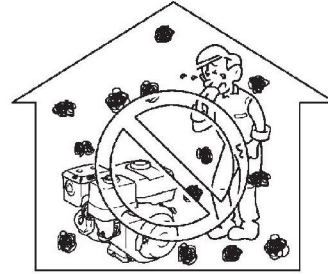


Honda Motor Co., Ltd.

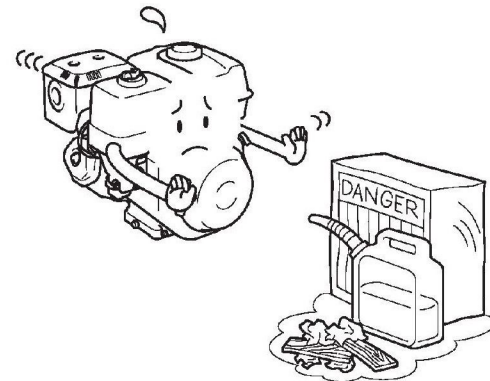
-1-

1. HƯỚNG DẪN AN TOÀN

KHÔNG DỪNG TRONG NHÀ HOẶC NHỮNG NƠI KÍN



TRÁNH XA CÁC VẬT LIỆU DỄ CHÁY



-2-

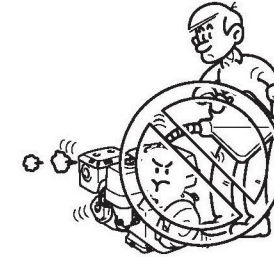
KHÔNG HÚT THUỐC KHI CHÂM NHIÊN LIỆU



KHÔNG CHÂM TRẦN LÂM RƠI VẢI NHIÊN LIỆU KHI CHÂM



PHẢI DỪNG ĐỘNG CƠ KHI CHÂM NHIÊN LIỆU



-3-

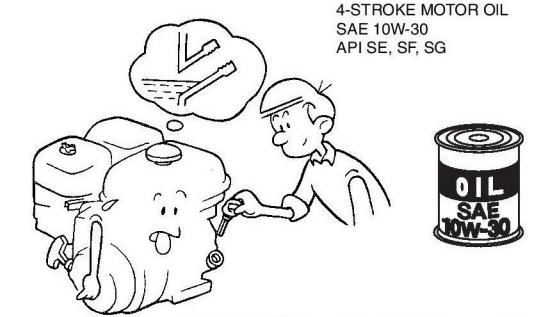
2. KIỂM TRA TRƯỚC KHI VẬN HÀNH

Trước khi sử dụng, kiểm tra rò rỉ nhớt, nhiên liệu xung quanh và bên dưới động cơ.

1. CẤP NHỚT



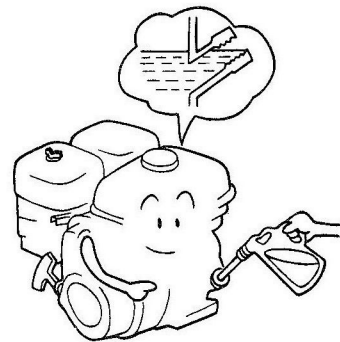
Chú ý: Phải chắc chắn động cơ nằm trên mặt phẳng ngang và động cơ dừng hẳn.



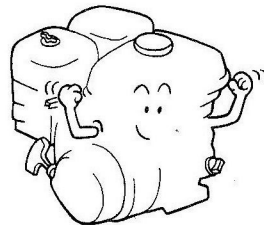
NHỚT DÙNG CHO ĐỘNG CƠ 4 THỊ.
LOẠI NHỚT SAE 10W-30 API SE, SF, SG

-4-

1. Kiểm tra mức nhớt.



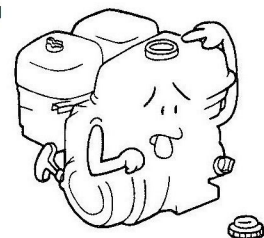
2. Nếu mức nhớt thấp, phải châm thêm nhớt cho đến mức trên



2. MỨC NHIÊN LIỆU

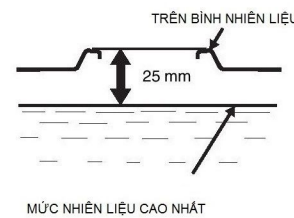


1. Kiểm tra mức nhiên liệu

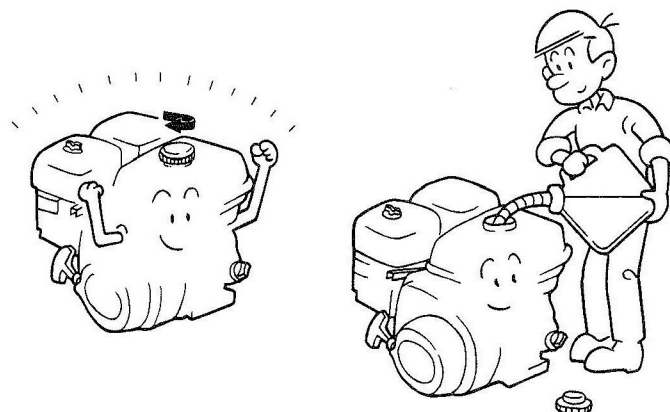


-5-

2. Nếu mức nhiên liệu thấp, châm thêm cho đến mức trên.



Không dùng xăng trộn lẫn với dầu/nhớt hoặc xăng bẩn



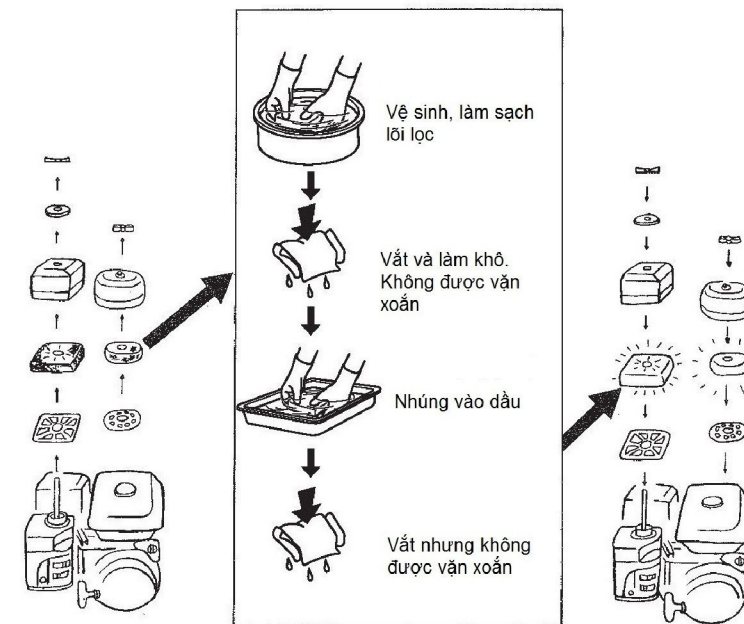
3. LỌC GIÓ



2. Kiểm tra lõi lọc nhớt, vệ sinh hoặc thay thế lõi lọc nếu cần thiết.

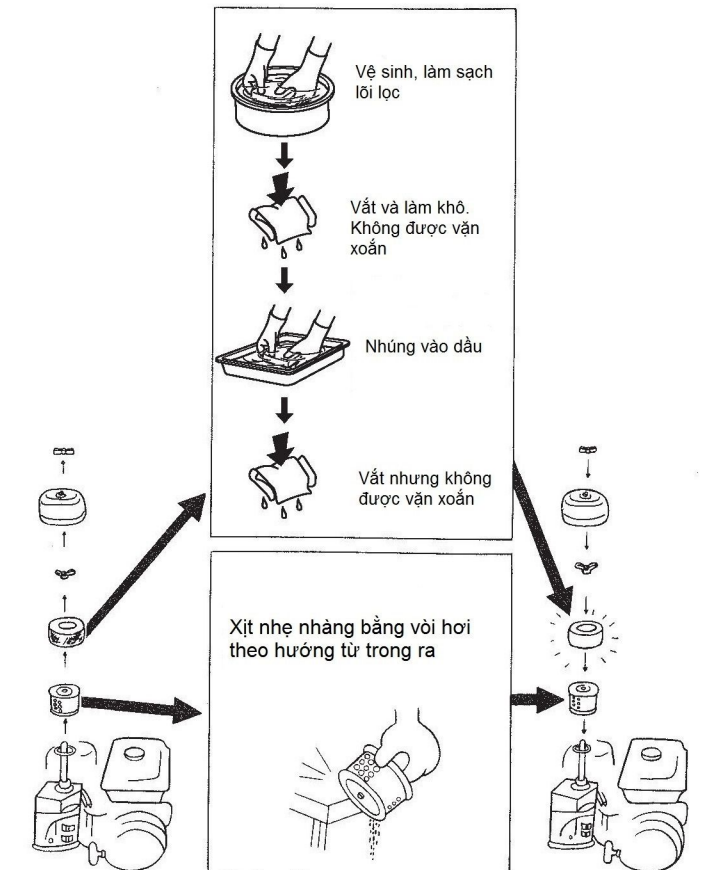
-6-

LOẠI BÁN KHÔ



-7-

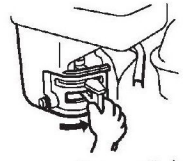
LOẠI LỌC KÉP



-8-

3. KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ

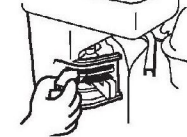
1. Chuyển cần van nhiên liệu sang vị trí "ON"



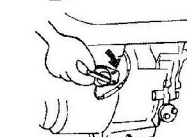
2. Chuyển cần "ga" sang trái.



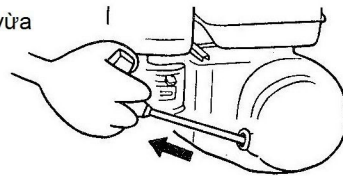
3. Chuyển cần "e gió" sang vị trí đóng "CLOSE".



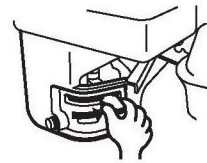
4. Chuyển công tắc động cơ về vị trí "ON".



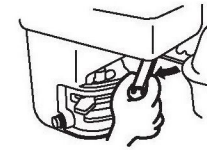
5. Kéo nhẹ tay nắm giạt cho tới khi vừa cứng tay, sau đó giạt mạnh.



6. Chuyển cần "e gió" về vị trí "OPEN".



7. Kéo cần "ga" đến mức ga mong muốn.

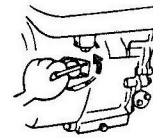


Hệ thống báo nhớt (đối với dòng có báo nhớt)

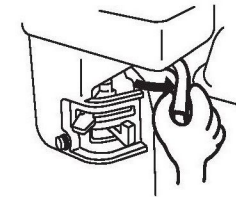
Trước khi mức nhớt bôi trơn trong "Cạc te" nhớt giảm xuống dưới giới hạn an toàn, hệ thống báo nhớt sẽ tự động dừng động cơ (công tắc động cơ vẫn ở vị trí "ON"). Nếu xảy ra hãy châm thêm nhớt vào động cơ.

4. DỪNG ĐỘNG CƠ

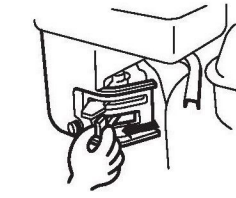
1. Đẩy hết cần ga về phía bên phải



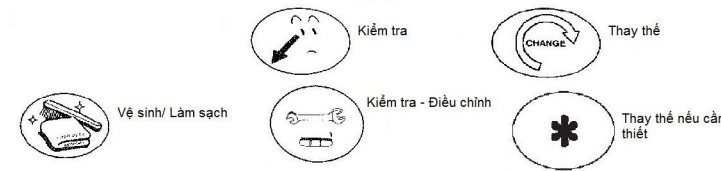
2. Chuyển công tắc máy về vị trí "OFF"



3. Chuyển khóa xăng về vị trí "OFF"



5. BẢO DƯỠNG MÁY



		Mỗi khi sử dụng			50 giờ

		First 50 giờ đầu			
		100 giờ đầu			100 giờ đầu

		300 giờ			500 giờ

		2 Years 2 Năm			2 Years 2 Năm

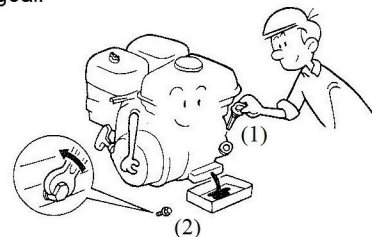
(1) Thay thế đối với lõi lọc bằng giấy.

(2) Việc này phải được thực hiện bởi Đại lý nơi bạn mua máy.

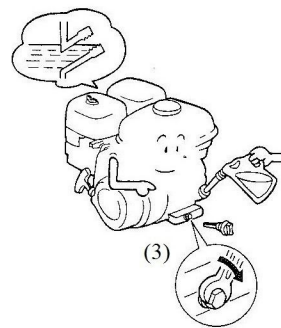
1. THAY NHỚT

1. Tháo que thăm nhớt.

2. Tháo bulong xả nhớt và xả hết nhớt ra ngoài.



3. Siết chặt bulong xả nhớt và châm nhớt vào đến mức quy định.

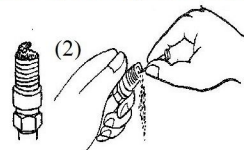


2. BUGI

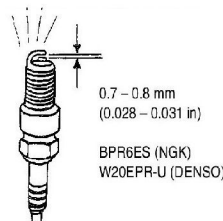
1. Tháo bugi ra ngoài.



2. Làm sạch muội than bám trên bugi.



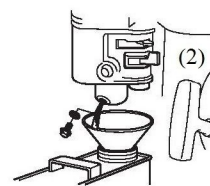
3. Đo khe hở bugi và điều chỉnh.



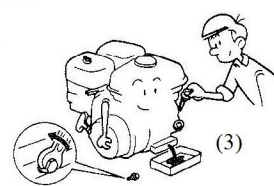
-13-

6. LƯU TRỮ

1. Xả hết nhiên liệu trong bình chứa. KHÔNG DÙNG BƠM ĐIỆN

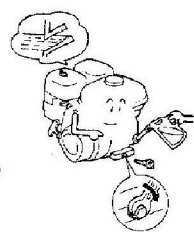


2. Xả hết nhiên liệu trong bình xăng con



3. Tháo bulong xả nhớt và xả hết nhớt ra ngoài

4. Siết chặt bulong xả nhớt và châm nhớt mới vào đến mức quy định



5. Kéo nhẹ tay nắm giạt cho tới khi có cảm giác nặng tay thì thả nhẹ tay



6. Lưu trữ động cơ ở nơi sạch, khô ráo

-14-

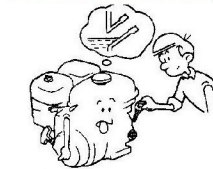
7. SỰ CỐ

ĐỘNG CƠ KHÔNG KHỞI ĐỘNG ĐƯỢC

1. Kiểm tra nhiên liệu



2. Kiểm tra nhớt máy

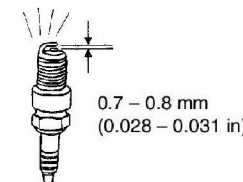
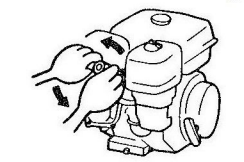


NẾU NHIÊN LIỆU, NHỚT ĐẦY ĐỦ

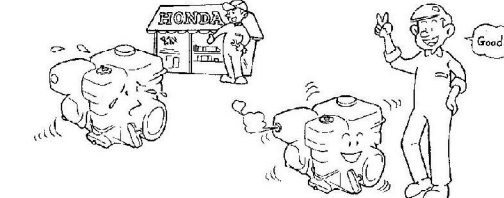
KHỞI ĐỘNG MÁY

NẾU KHÔNG KHỞI ĐỘNG ĐƯỢC

Tháo và kiểm tra bugi



Nếu động cơ vẫn không khởi động được, Quý khách vui lòng mang đến đại lý của HONDA.



- 15 -

8. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

	GP160	GP200
Loại động cơ	4 thì, 1 xi lanh, xupap treo, nghiêng 25°	
Dung tích xi lanh	163 cc	196 cc
Đường kính x hành trình piston	68.0 x 45.0 mm	68.0 x 54.0 mm
Công suất cực đại theo tiêu chuẩn SAE J607a	4.0 kW (5.5 mã lực)/ 4000 v/p	4.8 kW (6.5 mã lực)/ 3600 v/p
Công suất cực đại theo tiêu chuẩn SAE J1349 (*)	3.6 kW (4.8 mã lực)/ 3600 v/p	4.1 kW (5.5 mã lực)/ 3600 v/p
Momen xoắn cực đại theo tiêu chuẩn SAE J1349 (*)	10.3 N.m (1.05 kgf.m)/ 2500 v/p	12.4 N.m (1.26 kgf.m)/ 2500 v/p
Tỉ số nén	8.5:1	8.5:1
Suất tiêu hao nhiên liệu	1.4 lít/giờ	1.7 lít/giờ
Kiểu làm mát	Bằng gió cưỡng bức	
Kiểu đánh lửa	Transito từ tính (IC)	
Góc đánh lửa	25° BTDC	20° BTDC
Kiểu bugi	BPR6ES (NGK)/W20EPR-U (DENSO)	
Bộ chế hòa khí	Loại nằm ngang, cánh bướm	
Lọc gió	Lọc khô/Bán khô	
Điều tốc	Kiểu cơ khí ly tâm	
Kiểu bôi trơn	Tát nhớt cưỡng bức	
Dung tích nhớt	0.58 lít	0.6 lít
Dừng động cơ	Kiểu ngắt mạch nối đất	
Kiểu khởi động	Bằng tay	
Loại nhiên liệu	Xăng không chì có chỉ số octan 92 trở lên	
Dung tích bình nhiên liệu	3.1 lít	
Trọng lượng khô	14.9 Kg	16 Kg

Ghi chú: một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không báo trước

-16-